

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 51/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021, giữa:

\* Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn L – sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

\* Bị đơn: Chị Lương Thị L1 – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng T - Chi nhánh tỉnh B

Địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tuấn L - chức vụ: Giám đốc chi nhánh tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Duy Đ – chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch C, tỉnh Bắc Kạn; theo văn bản ủy quyền số: 21/2021/UQ – LPB – CNBK ngày 05/8/2021.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 08 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 08 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trịnh Văn L và chị Lương Thị L1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn L và chị Lương Thị L1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Trịnh Văn L và chị Lương Thị L1 thoả thuận như sau: Giao con chung tên là Trịnh Lương T – sinh ngày 25/9/2017 cho chị Lương Thị L1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lương Thị L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh Trịnh Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các bên đương sự nhất trí thoả thuận như sau:

- Anh Trịnh Văn L chịu trách nhiệm trả ½ khoản tiền vay cho Ngân hàng T – chi nhánh tỉnh B thông qua phòng giao dịch C số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng – thời hạn thanh toán vào ngày 30/9/2021.

- Chị Lương Thị L1 chịu trách nhiệm trả ½ khoản tiền vay cho Ngân hàng T – chi nhánh tỉnh B thông qua phòng giao dịch C số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng – thời hạn thanh toán vào ngày 30/9/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2021, anh L, chị L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, cá bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.5. Về án phí: Anh Trịnh Văn L phải chịu 75.000<sup>d</sup> (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; chị Lương Thị L1 phải chịu 75.000<sup>d</sup> (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận việc anh Trịnh Văn L tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ án với tổng số tiền là 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) mà anh L đã nộp theo biên lai số 0000621 ngày 19/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Anh L được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000<sup>d</sup> (một trăm

*năm mươi nghìn đồng).*

*Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh + BBGN;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS H. Chợ Đồn;
- UBND xã N, huyện C  
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Đình Hưng**